UBND TỈNH SƠN LA
THANH TRA TỈNH

Số: 179b/TB-TTr

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 15 tháng 4 năm 2019

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về Công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thanh tra tỉnh thông báo công khai tình hình thực hiện Dự toán quý 1 năm 2020, cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện Dự toán chi

1. Dự toán được sử dụng năm 2020

Tổng dự toán được sử dụng trong năm: **9.386.414.112đ,** Trong đó:

- Kinh phí thường xuyên thực hiện tự chủ: **8.319.000.000đ**

- Kinh phí chi thường xuyên không thực hiện tự chủ: **1.207.000.000đ,**

2. Tình hình thực hiện Dự toán

2.1. Tổng số kinh phí đã sử dụng: 2.703.588.028 đ, trong đó:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 2.647.309.028 đ, chi tiết như sau:

Khoản mục	Số tiền (đồng)
+ Tiền lương	717.528.198
+ Phụ cấp lương	565.552.156
+ Phúc lợi tập thể (Bao gồm các khoản chi cho công chức, người lao động nhân các ngày lễ lớn)	712.180.000
+ Các khoản đóng góp theolương	179.830.001
+ Thanh toán dịch vụ công cộng	10.640.354
+ Vật tư văn phòng	33.235.000
+ Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	15.920.675
+ Hội nghị	4.900.000
+ Công tác phí	45.227.400
+ Chi phí thuê mướn	55.824.144
+ Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	26.146.000
+ Chi mua tài sản cơ quan (Bàn để tại phòng Chánh VP)	14.500.000
+ Chi khác (chi tiếp khách, hỗ trợ đoàn thể, chi phí chuyển khoản, tạm ứng công tác phí chưa thanh toán)	265.825.100

- Kinh phí thực hiện không tự chủ (Chi công tác phí cho các đoàn thanh tra): 56.279.000 đ

2.2.Tổng số kinh phí còn lại: 6.822.411.972 đ, trong đó:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 5.671.690.972 đ;

- Kinh phí không thực hiện tự chủ: 1.150.721.000 đ;

II. Nguồn kinh phí thu hồi sai phạm phát hiện qua thanh tra

- Số thu hồi năm trước chuyển sang: 91.931.040 đ;

- Số thu hồi từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2020: 1.141.886.224 đ;

- Số dư còn lại trên tài khoản đến 31/3/2020: 1.233.817.264 đ.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán từ đầu năm đến hết quý 1 năm 2020 của Thanh tra tỉnh. Trân trọng thông báo đến toàn thể công chức, người lao động trong cơ quan./.

Nơi nhận:
- Công chức, người lao động trong cơ quan;
- Lưu VT (Thu 02b).

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

CỘNG HOÀ XHCN VIỆT NAM
THANH TRA VIỆT NAM
THANH TRA TỈNH SƠN LA

Bùi Hồng Hải

UBND TỈNH SƠN LA
THANH TRA TỈNH

Biểu mẫu số 3
Thông tư số: 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2020

(Kèm Thông báo số:179/TB-TTr ngày 15/4/2020 của Thanh tra tỉnh Sơn La)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp……..				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**9526**	**2703,588**	**28,38**	**97,72**
1	Chi quản lý hành chính	9.526,0	2.703,59	28,38	97,72
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.319,0	2.647,31	31,82	95,68
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.207,0	56,279	4,66	100
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				